

Bản án số: 03/2018/HNGĐ-ST
Ngày 21 tháng 3 năm 2018
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Oanh.
2. Ông Ngô Văn Tuyển.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chu Anh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thuỷ – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 03 năm 2018 tại phòng xử án Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 346/2017/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2017 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐXXST-DS, ngày 21 tháng 02 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/QĐST-HNGĐ ngày 05/3/2018 giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị Ngọc D, sinh năm 1977

Địa chỉ: Thôn 4, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.(Có mặt)

+ *Bị đơn:* Anh Biện Minh T, sinh năm 1968

HKTT: Thôn T, xã E 1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở hiện nay: Thôn 4, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Bùi Thị Ngọc D trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Biện Minh T sống với với nhau từ năm 1997 trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán và có Đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày

15/01/1997. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm về lối sống, thường xuyên cãi vã, anh T thường xuyên bài bạc đi sớm về khuya, không có trách nhiệm với gia đình, vợ con, mâu thuẫn vợ chồng thật sự trầm trọng, đến đầu năm 2017 thì vợ chồng sống ly thân.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị Bùi Thị Ngọc D có nguyện vọng xin được ly hôn với anh Biện Minh T.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống chị Bùi Thị Ngọc D và anh Biện Minh T có ba con chung:

1. Biện Thị Uyên T: sinh ngày 31/01/1998
2. Biện Thị Minh T1; sinh ngày 16/01/2003
3. Biện Minh T2; sinh ngày 01/11/2009

Nguyện vọng của chị Bùi Thị Ngọc D, sau khi được ly hôn chị D xin nuôi cháu Biện Thị Minh T1 và Biện Minh T2 và không yêu cầu anh Biện Minh T cấp dưỡng nuôi con. Còn Biện Thị Uyên T đã trưởng thành chị D tôn trọng sự lựa chọn của cháu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 15/12/2017 và tại các buổi làm việc tiếp theo Bị đơn anh Biện Minh T trình bày:*

Anh T thừa nhận lời trình bày của chị D về thời gian chung sống kết hôn, con chung, tài sản chung là hoàn toàn đúng thực tế. Theo anh T thì nguyên nhân dẫn đến vợ anh nộp đơn đến Tòa án ly hôn là do: Thời gian gần đây chị D thường có suy nghĩ anh T không quan tâm đến vợ con gia đình. Mặc dù anh T thì vẫn thương yêu vợ con nhưng anh T không biết thể hiện ra bên ngoài làm cho chị D nghĩ rằng anh không còn yêu thương chị D. Hơn nữa do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên không có tiếng nói chung, sự việc trên đã xảy ra liên tục nhiều năm nay nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nghiêm trọng hơn. Từ đầu năm 2017 vợ chồng sống ly thân đến nay. Nay chị D nộp đơn đến Tòa án xin ly hôn, bản thân anh vẫn yêu thương chị D. Vì vậy, anh T có nguyện vọng xin Tòa án cho vợ chồng anh được đoàn tụ để nuôi dạy con cái.

- Về con chung: Anh Biện Minh T không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến về con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Biện Minh T không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung.

- Quá trình tham gia tố tụng cháu Biện Thị Minh T1 và Biện Minh T2 cùng có ý kiến: Cháu T1 và cháu T2 là con của chị Bùi Thị Ngọc D và anh Biện Minh T, nguyên nhân gì mà mẹ cháu làm đơn xin ly hôn với bố thì các cháu không biết, chỉ biết hiện nay bố mẹ cháu không còn sống chung với nhau nữa, nếu Tòa án giải quyết cho bố mẹ cháu ly hôn thì nguyện vọng của cháu T1 và cháu T2 là xin ở với

mẹ Bùi Thị Ngọc D.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn Chị Bùi Thị Ngọc D giữ nguyên ý kiến xin được ly hôn với anh Biện Minh T, về con chung xin được nuôi cháu Biện Thị Minh T1; sinh ngày 16/01/2003 và cháu Biện Minh T2 sinh ngày 01/11/1999 không yêu cầu anh Biện Minh T cấp dưỡng tiền nuôi con. Còn cháu Biện Thị Uyên T đã trưởng thành chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Biện Minh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc trình bày quan điểm đối với việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng như sau:

Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của BLTTDS, tại phiên tòa HĐXX, Thư ký phiên tòa và Nguyên đơn đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

Bị đơn anh Biện Minh T vắng mặt không có lý do là từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ của mình. Vì vậy, HĐXX áp dụng các điều 227, 228 BLTTDS để xét xử vắng mặt anh T là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 BLTTDS; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Cho chị Bùi Thị Ngọc D được ly hôn với anh Biện Minh T. Giao con chung Biện Thị Minh T1; sinh ngày 16/01/2003 và Biện Minh T2 sinh ngày 01/11/2009 cho chị D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Chị D không yêu cầu anh T trợ cấp tiền nuôi con nên đề nghị Tòa án không xem xét. Đối với cháu Biện Thị Uyên T: sinh ngày 31/01/1998, hiện nay đã trưởng thành nên cháu có quyền quyết định cuộc sống riêng của mình, nên không cần xem xét. Về tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự có mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

Về quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn chị Bùi Thị Ngọc D và bị đơn anh Biện Minh T theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS.

Về thẩm quyền: Xét thấy tại thời điểm chị Bùi Thị Ngọc D làm đơn khởi kiện ly hôn, bị đơn anh Biện Minh T có nơi cư trú cuối cùng tại thôn 4, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc áp dụng điểm

a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa lần thứ nhất anh Biện Minh T vắng mặt không có lý do nên HĐXX đã hoãn phiên tòa và tiếp tục tổng đạt quyết định hoãn phiên tòa cho anh Biện Minh T. Tại phiên tòa hôm nay anh T vẫn tiếp tục vắng mặt do vậy HĐXX áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Ngọc D và anh Biện Minh T đăng ký kết hôn ngày 15/01/1997 tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

Mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án anh Biện Minh T có nguyện vọng xin được đoàn tụ nhưng tại bản tự khai ngày 15/12/2017, tại Biên bản lấy lời khai ngày 15/12/2017 của nguyên đơn chị Bùi Thị Ngọc D (BL 25, 25A), và tại bản tự khai của anh Biện Minh T ngày 15/12/2017 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án anh Thảo và chị Dung cùng thừa nhận: Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, vợ chồng đã sống ly thân một thời gian khá dài, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Ngoài ra tại biên bản xác minh ngày 20/12/2017 (BL 28) thôn trưởng thôn 4, xã E cung cấp: Trong thời gian chị D và anh T sống tại địa phương thì vợ chồng chị D anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T sống không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên bài bạc không chăm lo cho gia đình. Căn cứ vào các chứng cứ nêu trên cho thấy việc chị D và anh T sống với nhau không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được do đó anh T xin đoàn tụ là không có căn cứ. Vì vậy HĐXX cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 cho chị D được ly hôn anh Biện Minh T là đúng theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị D và anh T có ba con chung là cháu Biện Thị Uyên T, sinh này 31/01/1998, cháu Biện Thị Minh T1, sinh ngày 16/01/2003 và cháu Biện Minh T2, sinh ngày 01/11/2009. Tại phiên tòa hôm nay chị D có nguyện vọng xin được nuôi cả cháu Biện Thị Minh T1 và cháu Biện Minh T2. Mặt khác hiện tại cả cháu T1 và cháu T2 đều đã trên 07 tuổi và các cháu đều nguyện vọng sau khi bố mẹ ly hôn thì xin được ở với mẹ là chị Bùi Thị Ngọc D. HĐXX xét thấy việc giao con cho ai nuôi dưỡng sau khi bố mẹ ly hôn cần phải đảm bảo mọi mặt cho các cháu. Hiện tại chị D có đầy đủ mọi điều kiện để, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu hơn anh T, bản thân cháu T1 và cháu T2 cũng mong muốn được sống với mẹ là chị D. Do vậy, HĐXX căn cứ Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu T1 và cháu T2 cho chị D nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

Xét về cấp dưỡng, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, nên HĐXX không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cả chị D và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết phần tài sản chung và nợ chung. Nên HĐXX không đề cập xem xét.

Xét thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk là phù hợp nên HĐXX chấp nhận ý kiến của Viện kiểm sát.

[3] Về án phí: Chị Bùi Thị Ngọc D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 BLTTDS;

- Căn cứ vào các khoản 1 Điều 51, 53, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Bùi Thị Ngọc D được ly hôn với anh Biện Minh T.

Về con chung: Giao cháu Biện Thị Minh T1; sinh ngày 16/01/2003 và cháu Biện Minh T2; sinh ngày 01/11/2009 cho chị Bùi Thị Ngọc D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Anh Biện Minh T được quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc các con chung không ai có quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng: Do chị Bùi Thị Ngọc D không yêu cầu anh Biện Minh T cấp dưỡng nên không đề cập giải quyết.

Đối với cháu Biện Thị Uyên T, sinh này 31/01/1998 hiện nay đã đủ 18 tuổi cháu có quyền quyết định cuộc sống riêng của mình, nên HĐXX không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Bùi Thị Ngọc D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí chị D đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0001509 ngày 04/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đ.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND huyện Krông Pắc;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS huyện K;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã E;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Thu Hiền